

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 226/2024/HC-ST
Ngày 16-9-2024
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất
đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Quán

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Quang Diệu
- Ông Phạm Văn Hậu

- Thư ký phiên tòa: ông Trương Khánh Nam – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An họp phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2024/TLST-HC ngày 27 tháng 6 năm 2024 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 277/2024/QĐXXST-HC ngày 25 tháng 8 năm 2024, giữa:

1. *Người khởi kiện:* ông Trần Văn K, sinh năm 1948;

Địa chỉ: ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Thanh L, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Long An. Giấy ủy quyền ngày 22/02/2024

2. *Người bị kiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L.

Địa chỉ: số A Quốc lộ A, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: ông Võ Minh T - Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho người bị kiện: ông Nguyễn Văn T1 - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: bà Nguyễn Thị Anh T2 – Phó Trưởng phòng Hành chính tổng hợp Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện Trần Văn K trình bày tại đơn khởi kiện ghi ngày 24/4/2024 như sau:

Ngày 16/11/2017 ông Bùi Văn Đ được Sở Tài nguyên - Môi trường tỉnh L, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 704541, số vào sổ CS 05058, gồm thửa đất số 99, tờ bản đồ số 05, diện tích 2984m², loại đất đất LUC, vị trí đất tại ấp B xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Nguồn gốc, diễn biến quá trình sử dụng đất: Đất là của mẹ vợ là bà Nguyễn Thị H tặng cho từ năm 1975, trực tiếp canh tác và sử dụng ổn định liên tục từ năm 1975 đến nay, đất không tranh chấp, ranh giới có cọc bê tông cố định.

Khi ông Trần Văn K làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, nộp tại trung tâm hành chính công của huyện C được trả lời là thửa đất 99, tờ bản đồ số 05, hiện trạng thực tế là do ông K đang trực tiếp canh tác và sử dụng liên tục từ năm 1975 cho đến nay, nhưng hồ sơ lưu trữ tại chi nhánh V1 đăng ký đất tại huyện C cập nhật đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Văn Đ (như nội dung nêu trên). Nguồn gốc ông Bùi Văn Đ nhận chuyển nhượng từ ông Võ V, năm 2017 nhưng ông Bùi Văn Đ không có canh tác và sử dụng trên thửa đất này.

Nay ông Trần Văn K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL 704541, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS 05058 cấp ngày 16/11/2017 cho ông Bùi Văn Đ đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ 5, diện tích 2984m², loại đất LUC, đất tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L có ý kiến tại Văn bản 5047/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 15/7/2024 như sau:

Ngày 04/7/1997, UBND huyện C ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành K 606817 (số vào sổ 00417QSDĐ/0414-LA) cho ông Võ Văn g có 06 thửa, trong đó có thửa đất số 697, tờ bản đồ số 2, diện tích 2984 m², loại đất lúa, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 25/10/2017, ông Võ Văn chuyên n quyền sử dụng đất thửa số 697, tờ bản đồ số 2 (được cho số thửa mới 99, tờ bản đồ số 5), diện tích 2984 m² nêu trên cho ông Bùi Văn Đ theo Hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng C

công chứng số 6078, quyền số 07TP/CC- SCC/HĐGD. Hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện C thụ lý, xét thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Chi nhánh Văn phòng Đ1 tại huyện C chuyển hồ sơ cho Văn phòng Đăng ký đất đai trình Sở T ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL 704541 (số vào sổ CS 05058) đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 5, diện tích 2984 m² cho ông Bùi Văn Đ là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Đối với yêu cầu khởi kiện, Sở T đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Đ trình bày ý kiến:

Ông Bùi Văn Đ không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông K. Ông Bùi Văn Đ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để ông và ông K được cấp giấy đúng theo thực tế sử dụng vì các ông sử dụng đất ổn định từ trước đến nay không tranh chấp gì với nhau.

Vì lí do công việc nên xin vắng tại các buổi làm việc cũng như phiên tòa xét xử tại Tòa án.

Ngày 27/6/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và lập biên bản không đối thoại được.

Tại phiên toà,

Người khởi kiện do ông Trần Thanh L đại diện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL 704541 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 16/11/2017 cho ông Bùi Văn Đ đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ 5, diện tích 2984m², loại đất LUC, đất tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Ông Trần Thanh L trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 99, tờ bản đồ 5, diện tích 2984m², loại đất LUC, đất tọa lạc tại ấp B, xã L do ông bà ngoại để lại cho Trần Văn K sử dụng. Khi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới biết được ông Bùi Văn Đ đã được cấp sổ thửa 99, tờ bản đồ số 5, nhưng thực tế ông Đ không sử dụng diện tích đất này. Diện tích đất thửa 99, ông K quản lý sử dụng theo đo đạc ngày 29/5/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C là diện tích 1.501m². Ông Trần Văn K yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Bùi Văn Đ để ông được kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích nói trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L giữ nguyên trình bày tại Văn bản số số 5047/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 15/7/2024. Việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Văn Đ trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Võ V và ông ông Bùi Văn Đ.

Qua xét hỏi tại phiên tòa và các chứng cứ cho thấy ông **Trần Văn K** sử dụng thửa 99, tờ bản đồ số 5 (mới) nhưng khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Đ** xác định thửa đất số 99, tờ bản đồ số 5, diện tích 2984 m², loại đất trồng lúa nước là không đảm bảo. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Bùi Văn Đ** trình bày:* nguồn gốc các thửa đất ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/7/1997 là nhận chuyển nhượng từ ông **Võ Văn**. Việc **Sở T** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 5, diện tích 2984 m², loại đất trồng lúa nước ông không biết là thửa ông **K** đang quản lý sử dụng. Thực tế từ trước đến nay ông chưa từng sử dụng diện tích thửa đất số 99, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.501m² ông **Trần Văn K** đang quản lý sử dụng trồng lúa như Biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Ông đề nghị xem xét giải quyết cho đúng người sử dụng đất. Ông không có ý kiến tranh chấp hay yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng. Việc thụ lý, quan hệ khiếu kiện, thẩm quyền đúng theo Điều 30, Khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính năm 2015. Phía người bị kiện xin vắng nên không đối thoại được. Việc thu thập chứng cứ, xác minh, công khai chứng cứ đảm bảo; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và thời gian giải quyết vụ án đảm bảo tố tụng. Tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Thời hiệu khởi kiện: năm 2024 ông **Trần Văn K** biết được diện tích đất ông quản lý sử dụng thuộc thửa 99 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Bùi Văn Đ** nên khởi kiện, theo Điều 116 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 thời hiệu bảo đảm.

Về nội dung:

Nguồn gốc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 5, ông **K** sử dụng được ông ngoại cho sử dụng có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã.

Theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và **Mảnh T3** đo địa chính ngày 29/5/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại **huyện C**, diện tích thửa đất số 99, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.501m² ông **Trần Văn K** đang quản lý sử dụng trồng lúa. Ông **Đ** thừa nhận không sử dụng thửa đất này, đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông.

Như vậy, việc **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Bùi Văn Đ** thiếu kiểm tra, thực tế nên cấp sổ thửa có

diện tích ông **Trần Văn K** sử dụng cho ông **Đ** là không đúng đối tượng, diện tích theo quy định tại khoản 1 Điều 99, khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013. Ông **Bùi Văn Đ** cũng thừa nhận việc ông **Trần Văn K** sử dụng một phần diện tích đất ông được cấp giấy và không tranh chấp, đồng ý cấp lại cho đúng.

Việc **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thông giao dịch dân sự theo điểm d Khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Văn K**. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L** cấp ngày 16/11/2017 cho ông **Bùi Văn Đ** đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ 5, diện tích 2984m², loại đất LUC, đất tọa lạc tại **ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An**.

Giấy chứng nhận của **UBND huyện C** cấp cho ông **Võ Văn đối v** thửa 697, TBD 2 đã chỉnh lý khi chuyển nhượng nên không phải hủy. Buộc cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện không phải chịu. Buộc **Sở T A** chịu án phí.

(Có bài phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyền khởi kiện, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền và phạm vi xét xử Người khởi kiện ông **Trần Văn K** khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L** đã cấp cho ông **Bùi Văn Đ** là yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai.

Căn cứ theo quy định tại Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Thời hiệu

Đầu năm 2024 ông **Trần Văn K** phát hiện việc **Sở T** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Bùi Văn Đ** số thửa đất ông sử dụng.

Ngày 24/4/2024 ông **Trần Văn K** khởi kiện.

Theo Khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 Tòa án xác định vẫn trong thời hiệu.

[3] Về tư cách tố tụng

Ông **Trần Văn K** khởi kiện **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L** hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho ông **Bùi Văn Đ** nên xác định ông **Trần Văn K** là người khởi kiện; **Sở**

Tài nguyên và Môi trường tỉnh L là người bị kiện; ông Bùi Văn Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan .

Người bị kiện ủy quyền hợp lệ và đúng theo Khoản 3 Điều 60 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 là hợp lệ được chấp nhận.

[4] Đối thoại và công khai chứng cứ

Tòa án thực hiện đối thoại và công khai chứng cứ theo quy định tại Điều 136, Điều 137 và Điều 138 Luật tố tụng Hành chính năm 2015.

[5] Tòa án thực hiện đối thoại và công khai chứng cứ theo quy định tại Điều 136, Điều 137 và Điều 138 Luật tố tụng Hành chính năm 2015.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện

Ông Trần Văn K yêu cầu: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL 704541, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS 05058 cấp cho ông Bùi Văn Đ đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ 5, diện tích 2984m², loại đất LUC, đất tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

[7] Xét thấy:

[7.1] Ngày 04/7/1997, UBND huyện C ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành K 606817 (số vào sổ 00417QSDĐ/0414-LA) cho ông Võ Văn g có 06 thửa, trong đó có thửa đất số 697, tờ bản đồ số 2, diện tích 2984 m², loại đất lúa, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

[7.2] Ngày 25/10/2017, ông Võ Văn chuyển n quyền sử dụng đất thửa số 697, tờ bản đồ số 2, diện tích 2984 m² nêu trên cho ông Bùi Văn Đ theo Hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng C công chứng.

[7.3] Ngày 16/11/2017 ông Bùi Văn Đ được Sở T ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL 704541 (số vào sổ CS 05058) đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 5, diện tích 2984 m², loại đất trồng lúa nước. Đất tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An.

[8] Căn cứ Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An thì thửa 99 do ông Trần Văn K sử dụng một phần để trồng lúa; phần còn lại do bà S sử dụng để trồng lúa. Giữa hai diện tích đất có bờ ranh rõ ràng hai bên sử dụng không tranh chấp.

[9] Theo Mạnh Trích đo địa chính số 18-2023 ngày 29/5/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C, diện tích thửa đất số 99, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.501m² ông Trần Văn K đang quản lý sử dụng trồng lúa như biên bản thẩm định của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. việc ông Trần Văn K sử dụng có xác nhận ngày 28/5/2024 của Ủy ban nhân dân xã L.

[10] Như vậy, có cơ sở xác định việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Bùi Văn Đ đã có sự nhầm lẫn về đối tượng và diện tích sử dụng.

Ông **Trần Văn K** sử dụng diện tích đất tại số thửa 99, tờ bản đồ số 5 nhưng **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L** lại cấp số thửa 99, tờ bản đồ số 5 cho ông **Bùi Văn Đ**. Ông **Bùi Văn Đ** cũng thừa nhận việc ông **Trần Văn K** sử dụng diện tích có hiện trạng mà ông chưa từng sử dụng. Ông **Bùi Văn Đ** xác định ông không tranh chấp, đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông được cấp để cấp lại cho đúng.

[11] Xét việc **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất không đúng đối tượng, diện tích theo quy định tại Khoản 1 Điều 99, khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên, **Sở T** Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thông giao dịch dân sự theo điểm d Khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL 704541, số vào sổ CS 05058 của **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L** cấp ngày 16/11/2017 cho ông **Bùi Văn Đ** đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ 5, diện tích 2984m², loại đất LUC, đất tọa lạc tại **ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An**.

Buộc cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định.

[12] Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ.

[13] Về chi phí tố tụng: người khởi kiện phải chịu, đã nộp xong

[14] Về án phí Hành chính sơ thẩm: áp dụng Điều 348 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 và Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, ông **Trần Văn K** không phải chịu. Buộc **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L** phải chịu và nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 3, Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính 2015;

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 358 Luật tố tụng Hành chính năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 99, Điều 100 và điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Văn K** đối với **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L** về việc “khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai”.

1.1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL 704541, sổ vào sổ cấp giấy CS 05058 của **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L** cấp ngày 16/11/2017 cho ông **Bùi Văn Đ** đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ 5, diện tích 2984m², loại đất LUC, đất tọa lạc tại **ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An**.

1.2. Buộc cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: 3.000.000đ, người khởi kiện phải chịu (đã nộp).

3. Về án phí Hành chính sơ thẩm:

Ông **Trần Văn K** không phải chịu tiền án phí, thuộc diện miễn không tạm ứng, không hoàn trả.

Buộc **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L** chịu và nộp 300.000đ.

4. Án xét xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt hợp lệ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc bản án được niêm yết./.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Quang Diệu – Phạm Văn Hậu

Trần Văn Quán

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Quán

